

Phương pháp thu thập thông tin dân số và kế hoạch heo gia đình

NGUYỄN QUỐC ANH

Ngày nay, chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình đã trở thành quốc sách, do vậy nhu cầu về thông tin dân số và kế hoạch hóa gia đình ngày càng trở nên bức bách đối với việc hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội ở nước ta. Tình trạng thông tin thiếu chính xác, chưa kịp thời và không đầy đủ đến nay vẫn còn tồn tại và là nỗi trăn trở của các cơ quan chức năng. Rõ ràng một khi thiếu những căn cứ khoa học thì mục tiêu về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình cũng sẽ thiếu tính hiện thực, không đem lại hiệu quả cao. Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, có thể tiến hành thu thập thông tin về dân số và kế hoạch hóa gia đình bằng nhiều phương pháp khác nhau như: tổ chức tổng điều tra dân số, tổ chức điều tra chọn mẫu hoặc tổ chức hệ thống báo cáo thường xuyên (còn gọi là báo cáo định kỳ). Do yêu cầu cần thiết, cần có những thông tin về dân số - kế hoạch hóa gia đình, trong những năm trước đây chúng ta đã thử nghiệm tất cả những hình thức thu thập thông tin nói trên và đã rút ra được nhiều kinh nghiệm cả về tổ chức thu thập cũng như xử lý, đánh giá số liệu.

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình, một trong những nhiệm vụ đó là xây dựng phương hướng chiến lược, kế hoạch hóa hàng năm, thiết lập chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình) xuất phát từ nhiệm vụ trên, cần phải thu thập thông tin thống kê dân số làm cơ sở cho việc soạn thảo các kế hoạch và chính sách phục vụ cho công tác chỉ đạo chương trình dân số quốc gia. Những nguồn thông tin, số liệu về dân số - kế hoạch hóa gia đình cần có ở cả 2 dạng:

- a) Những thông tin phục vụ công tác tác nghiệp, kế hoạch ngắn hạn.
- b) Những thông tin, số liệu dự báo phục vụ công tác kết hoạch chiến lược dài hạn.

Do thường xuyên phải thu thập và sử dụng những nguồn số liệu dân số, phục vụ cho công tác quản lý và điều hành chương trình dân số, chúng tôi có một số nhận xét về các nguồn số liệu dân số của chúng ta từ trước đến nay như sau:

I. SỐ LIỆU TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ

Từ trước đến nay ta cũng đã có nhiều nguồn số liệu tổng điều tra dân số, nhưng phạm vi và thời điểm khác nhau. Ở miền Bắc tiến hành tổng điều tra dân số lần đầu tiên vào 1.3.1960. Vì đây là lần đầu tiên nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này và hơn nữa trong thời kỳ chiến tranh nên việc bảo quản và đưa ra sử dụng rộng rãi kết quả tổng điều tra dân số rất hạn chế. Cuộc tổng điều tra dân số lần thứ hai ở miền Bắc tiến hành vào 1.4.1974. Cuộc điều tra này, cũng là lần đầu tiên ta đưa vào thử nghiệm tổng hợp bằng máy tính điện tử. Do lần đầu tiên các trung tâm tính toán làm quen với việc xử lý bài toán lớn nên trong quá trình xử lý còn nhiều trục trặc, thời gian tổng hợp kéo dài và sau đó còn phải kết hợp hiệu chỉnh số liệu bằng tay kéo dài hàng năm, do vậy số liệu không phát huy được hiệu quả sử dụng.

Ở miền Nam, trong lịch sử có ghi về một cuộc tổng điều tra dân số do thực dân Pháp tiến hành vào năm 1924, nhưng đó chỉ có ý nghĩa về mặt lịch sử. Sau ngày miền Nam giải phóng có tiến hành 1 cuộc điều tra vào ngày 5.2.1976 nhưng với chi tiêu cơ bản nhất, chủ yếu phục vụ cho tổng tuyển cử sau ngày giải phóng. Cuộc tổng điều tra dân số lần đầu tiên trên phạm vi toàn quốc được bắt đầu vào ngày 1.10.1979. Tổng điều tra dân số này tiến hành trong điều kiện ta có máy tính điện tử nhưng lại ở vào tình trạng thiếu phụ tùng linh kiện thay thế, nay đã đến thời gian bảo dưỡng, do vậy việc tổng hợp kết quả được tiến hành bằng phương pháp tổng hợp thủ công kết hợp với máy tính điện tử. Trong khâu nối giữa 2 mảng số liệu thủ công và máy tính cũng có nhiều mâu thuẫn phát sinh và mất rất nhiều thời gian để chỉnh lý số liệu. Do vậy, sau 3 năm, đến năm 1982 ta mới xuất bản được một cuốn số liệu đưa ra sử dụng rộng rãi nhưng với một số chi tiêu thu hẹp. Một hạn chế cần rút kinh nghiệm là do kỹ thuật máy tính nên ta đã không lưu trữ được kết quả trên máy, do vậy việc khai thác tiếp tục rất

hạn chế.

Cuộc tổng điều tra dân số lần thứ hai trên phạm vi toàn quốc là vào ngày 1.4.1989. Nhưng đây là lần đầu tiên ta tiến hành tổng điều tra dân số có kết hợp nhà ở và cũng coi như là lần đầu tiên ta tiến hành theo qui chuẩn chung cả về phương pháp và nội dung điều tra, với sự đầu tư giúp đỡ thiết thực và cụ thể của Liên hiệp quốc, trực tiếp qua tổ chức UNFPA. Nhìn chung số liệu tổng điều tra dân số 1989 giúp cho ta có một cơ sở số liệu toàn diện để đánh giá lại tình hình dân số Việt Nam. Ngay sau một năm ta đã xuất bản được cuốn số liệu kết quả 5% chọn mẫu và hữu hiệu hơn là tháng 10/1991, lần đầu tiên sau tổng điều tra dân số chúng ta đã có được cuốn báo cáo phân tích nhân khẩu học dựa trên kết quả 5% rất bổ ích cho những người làm công tác dân số và hoạch định chính sách. Những số liệu toàn diện đã tổng hợp xong và đang tiến hành in ấn và sẽ công bố vào đầu năm 1992. Về sử dụng nguồn số liệu tổng điều tra dân số, để phát huy hơn nữa hiệu quả sử dụng của nguồn số liệu này, chúng tôi xin có những kiến nghị sau:

1) Cần có những báo cáo phân tích chuyên sâu cho từng vùng, tỉnh, thành phố. Nhất là tình hình biến động dân số, nguồn lao động, văn hoá.

2) Nhanh chóng xuất bản kịp thời những số liệu toàn diện về kết quả tổng điều tra dân số để đưa ra sử dụng rộng rãi.

3) Thành lập ngân hàng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu tổng điều tra dân số 1989 để đảm bảo lưu trữ và kết hợp với một số nguồn số liệu khác phục vụ hữu hiệu hơn cho công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Ngoài những vấn đề trên, trong thực tế sử dụng nguồn số liệu này chủ yếu chỉ là kết quả tổng điều tra dân số 1989 và dù sao đây cũng là số liệu có tính chất thời điểm và thông thường 10 năm mới tổ chức 1 lần.

II. SỐ LIỆU THỐNG KÊ DÂN SỐ THƯỜNG XUYÊN

Đây là nguồn số liệu dân số được thu thập theo báo cáo định kỳ từ các nguồn thông tin được tổ chức đăng ký thường xuyên như đăng ký sinh, chết, di cư, nhập cư v.v... Nếu thu thập được tốt những số liệu này, số liệu đảm bảo tính chính xác và kịp thời thì đây sẽ là nguồn số liệu phục vụ rất đắc lực cho công tác xây dựng kế hoạch, đánh giá tình hình phát triển dân số, cần có những số liệu dân số theo từng quý, 6 tháng và năm, nhất là báo cáo tình hình 9 tháng đầu năm để làm cơ sở lập dự báo xây dựng kế hoạch cho năm sau. Do nhiều lý do cả về chủ quan lẫn khách quan nên chất lượng số liệu thu thập còn rất nhiều hạn chế. Nguồn số liệu này chủ yếu dựa vào kết quả đăng ký hộ tịch hộ khẩu, tuy nhiên chế độ báo cáo hiện hành, không thể sử dụng cho việc kiểm tra đánh giá tình hình sinh, chết xảy ra trong kỳ báo cáo, trừ trường hợp khai thác trực tiếp thông qua sổ đăng ký hộ tịch, nhưng mức độ đầy đủ của việc đăng ký còn thấp; nhiều nơi chỉ đăng ký được 50% sự kiện sinh, chết hàng năm; tình trạng đăng ký muộn còn khá phổ biến, ngay cả vùng đồng bằng, các thành phố, thị xã. Vì vậy hầu hết các tài liệu của cơ sở báo cáo đều phải chỉnh lý và do nhiều cấp chỉnh lý nên mức độ tin cậy thấp.

Nguyên nhân của tình hình này có thể do những khó khăn và hạn chế sau:

1) Hầu hết các xã phường không có cán bộ chuyên trách làm công tác đăng ký hộ tịch mà họ kiêm nhiệm nhiều việc khác.

2) Sổ đăng ký hộ tịch ở một nơi, cũ, nát, thậm chí có nơi không có kinh phí để mua các giấy khai sinh... nên không thể đăng ký kịp các trường hợp sinh, mặc dù đương sự muốn đến khai sinh (Do ngân sách xa rất khó khăn, không đáp ứng được).

3) Biểu mẫu báo cáo thống kê chỉ nhằm phản ánh số lượng sự kiện đăng ký được mà chưa phản ánh số lượng sự kiện sinh, chết.

4) Cán bộ làm công tác đăng ký hộ tịch các cấp, nhất là cơ sở, còn làm việc thụ động, chủ yếu là nhờ người dân đến đăng ký, thiếu sự kiểm tra thường xuyên.

5) Thiếu sự tuyên truyền giáo dục thường xuyên trong nhân dân.

Để có thể hình dung được cụ thể hơn chất lượng của số liệu báo cáo theo nguồn này ta hãy xem kết quả so sánh qua một số tỉnh.

So sánh tỷ lệ sinh năm 1988 giữa nguồn số liệu theo báo cáo của địa phương và số liệu mẫu 5% trong tổng điều tra dân số.

Đơn vị tính: phần nghìn

| Địa phương | Số liệu so sánh | |
|------------------------|-----------------------------|---|
| | Theo báo cáo của địa phương | Số liệu mẫu 5% trong tổng điều tra dân số |
| 1. Hà Tuyên | 25.5 | 37.1 |
| 2. Cao Bằng | 29.6 | 34.4 |
| 3. Lai Châu | 31.3 | 46.6 |
| 4. Hoàng Liên Sơn | 30.0 | 39.1 |
| 5. Sơn La | 35.9 | 44.3 |
| 6. Vĩnh Phú | 27.3 | 29.6 |
| 7. Quảng Ninh | 19.9 | 27.8 |
| 8. Hà Sơn Bình | 24.8 | 33.8 |
| 9. Nghệ Tĩnh | 26.6 | 33.4 |
| 10. Gia Lai - Kontum | 28.3 | 45.6 |
| 11. Sông Bé | 27.2 | 33.7 |
| 12. Vũng Tàu - Côn Đảo | 23.5 | 26.3 |
| 13. An Giang | 29.1 | 28.9 |
| 14. Tiền Giang | 27.2 | 32.7 |
| 15. Cửu Long | 28.2 | 32.4 |

Do vậy, theo đánh giá của những nhà chuyên môn thì nguồn số liệu này cũng không đủ mức độ chính xác phục vụ yêu cầu sử dụng. Ngoài những lý do về tổ chức, phương pháp kỹ thuật thu nhập số liệu cũng phải lưu ý đến những nguyên nhân khách quan tác động đến công tác này như sự chuyển đổi hệ thống quản lý ngành dọc của ngành thống kê, chuyển đổi chức năng nhiệm vụ của công tác đăng ký hộ tịch từ Bộ Nội vụ, sang Bộ Tư Pháp. Từ vài năm trước đây chúng ta cũng đã nhận ra những hạn chế của công tác vùng và đang tiến hành cải tiến và hoàn chỉnh nhằm thu nhập được nguồn số liệu đáp ứng yêu cầu sử dụng, hơn nữa tổ chức UNFPA cũng đã có dự án nhằm giúp ta cải tiến và củng cố công tác này. Đây là nguồn số liệu phục vụ công tác, tác nghiệp do đó ngoài những biện pháp cải tiến hoàn thiện về chuyên môn chúng tôi xin lưu ý thêm một số kiến nghị:

1) Công tác này có liên quan đến nhiều ngành như ủy ban quốc gia dân số. Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê, Bộ Nội vụ. Vì vậy sự phối hợp và cộng tác chặt chẽ giữa các ngành là điều kiện tiên quyết cho quá trình cải tiến và hoàn thiện. Sự phối hợp này phải có ở tất cả các cấp nhưng trước hết là cấp trung ương.

2) Cán bộ là lực lượng quyết định thành bại của công việc. Cần có đủ cán bộ ở các cấp đội ngũ cán bộ làm công tác đăng ký hộ tịch và thống kê dân số cần được ổn định và phải được tập huấn thường xuyên đề củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn.

3) Số liệu cần được xử lý và lưu trữ trên máy tính điện tử để khai thác và tổ chức cập nhật, bổ sung số liệu.

4) Khi đã thu thập được số liệu cần tiến hành phân tích đánh giá chất lượng số liệu đồng thời tiến hành phân tích hiện trạng dân số phục vụ nhu cầu sử dụng thông tin.

III SỐ LIỆU ĐIỀU TRA CHỌN MẪU

Đây là nguồn số liệu ta đã tiến hành thu thập trong một số năm gần đây. Dù sao cũng mang nhiều tính chất thử nghiệm, rút kinh nghiệm trong bước đầu áp dụng phương pháp này trong công tác thu thập thông tin. Mặc dù vậy, kết quả của một cuộc điều tra mẫu sẽ có hiệu quả sử dụng cao như kết quả điều tra 5%, mẫu sinh, chết và nhà ở trong tổng điều tra dân số 1989. Điều tra mẫu DHS năm 1988 về kế hoạch hóa gia đình và một số các cuộc điều tra mẫu để đánh giá tình hình của một số vùng trọng điểm. Cũng còn nhiều cuộc điều tra chọn mẫu

được các ngành hữu quan tiến hành như thống kê, y tế, xã hội học, lao động vv... nhưng kết quả chưa được giới thiệu rộng rãi và kịp thời, do đó phạm vi sử dụng còn có phần bị hạn chế. Do ưu điểm của phương pháp điều tra chọn mẫu là có thể tổ chức, điều tra khá linh hoạt tùy theo nội dung và nguồn kinh phí cho phép, vì vậy hiện nay có nhiều cơ quan tổ chức thu thập thông tin bằng phương pháp này. Là cơ quan thường xuyên phải xử lý và sử dụng số liệu, thu thập thông tin số liệu chúng tôi có một số nhận xét và kiến nghị như sau:

1) Điều tra chọn mẫu là một phương pháp hết sức khoa học, đòi hỏi phải tuân thủ theo một quy trình chặt chẽ, do vậy khi thiết kế mẫu điều tra phải chú ý đến tính đại diện của số liệu để tránh lãng phí khi tổ chức điều tra, nâng cao hiệu quả sử dụng của số liệu thu thập.

Thông thường chúng ta áp dụng cách chọn mẫu ngẫu nhiên, nhưng trong thực tế áp dụng thường xảy ra trường hợp.

a) Nếu đơn vị chọn ngẫu nhiên rơi vào một đơn vị nào đó có điều kiện khó khăn là sẽ bị đổi sang làm một địa bàn khác dễ hơn một cách tùy tiện.

b) Nếu điều kiện cho phép, thường các địa phương sẽ tăng hoặc giảm cỡ mẫu một cách tương đối tùy tiện. Để có thể hình dung một cách cụ thể chúng ta hãy tham khảo số liệu thực tế tổng kết tình hình công tác tổ chức điều tra chọn mẫu biến động dân số hàng năm thời kỳ 1986 - 1990. Theo qui định thì hàng năm sẽ tổ chức điều tra chọn mẫu 10% về tình hình biến động dân số.

| Tỷ lệ dân số được điều tra qua các cuộc điều tra biến động dân số | | | | | | | % |
|---|---------------------|------|------|------|------|------|---|
| STT | Địa phương | 1986 | 1987 | 1988 | 1989 | 1990 | |
| 1 | Hà Tuyên | 8,7 | 9,1 | 7,3 | 7,6 | 9,9 | |
| 2 | Cao Bằng | 4,7 | 4,6 | 3,5 | 7,9 | 9,0 | |
| 3 | Lạng Sơn | 9,8 | 9,1 | - | 9,5 | 10,8 | |
| 4 | Lai Châu | 16,0 | 16,0 | 16,3 | 16,2 | 13,0 | |
| 5 | Hoàng Liên Sơn | 11,3 | 9,1 | 9,4 | 9,7 | 9,1 | |
| 6 | Bắc Thái | 9,9 | 8,8 | - | 6,3 | 5,4 | |
| 7 | Sơn La | 9,6 | 12,5 | 10,7 | 9,7 | 11,2 | |
| 8 | Vĩnh Phú | 47,0 | 50,0 | 42,6 | 8,8 | 47,4 | |
| 9 | Hà Bắc | 7,5 | 7,4 | - | 10,3 | - | |
| 10 | Quảng Ninh | 46,8 | 13,8 | 11,1 | 8,7 | 9,9 | |
| 11 | Hà Sơn Bình | 26,3 | 25,6 | 20,1 | 11,8 | 13,5 | |
| 12 | Hải Hưng | 19,6 | 19,9 | - | 7,9 | 9,7 | |
| 13 | Hà Nam Ninh | 12,1 | - | - | - | 14,5 | |
| 14 | Thanh Hóa | 12,5 | 10,9 | - | 10,6 | 10,0 | |
| 15 | Nghệ Tĩnh | 19,9 | 20,4 | 14,2 | 5,7 | - | |
| 16 | Quảng Bình | 14,0 | 10,1 | - | 9,1 | 10,5 | |
| 17 | Quảng Trị | - | - | - | 12,2 | 7,0 | |
| 18 | Thừa Thiên Huế | - | - | - | 10,6 | 10,1 | |
| 19 | Quảng Nam - Đà Nẵng | 16,6 | 8,3 | - | 7,1 | 9,0 | |
| 20 | Quảng Ngãi | 10,5 | 8,9 | - | 8,7 | 9,7 | |
| 21 | Bình Định | - | - | - | 8,9 | 9,6 | |
| 22 | Khánh Hòa | 11,1 | 12,2 | - | - | 49,3 | |
| 23 | Phụ Yên | - | - | - | - | 115 | |
| 24 | Thuận Hải | 28,1 | 23,1 | - | 24,4 | - | |
| 25 | Gia Lai - Kon Tum | 8,2 | 8,7 | 9,9 | 11,3 | 2,2 | |
| 26 | Đắk Lắk | 8,9 | 12,4 | - | 8,0 | 10,3 | |
| 27 | Lâm Đồng | 10,0 | 10,3 | - | - | 9,0 | |
| 28 | Sông Bé | 8,4 | 9,3 | 9,7 | 9,0 | 8,9 | |
| 29 | Tây Ninh | 11,4 | 11,2 | 6,6 | - | 8,9 | |
| 30 | Đồng Nai | 6,9 | 5,7 | - | - | - | |
| 31 | Vũng Tàu - Côn Đảo | 11,6 | 11,6 | 10,6 | 8,5 | - | |
| 32 | Long An | 18,4 | 20,4 | - | - | 9,3 | |
| 33 | Đồng Tháp | 12,4 | - | - | - | 10,9 | |
| 34 | An Giang | 27,4 | 9,8 | - | 5,0 | 5,0 | |
| 35 | Tiền Giang | 23,7 | 5,3 | 4,5 | 9,3 | 10,2 | |
| 36 | Bến Tre | 5,7 | 5,5 | - | 8,6 | 6,1 | |
| 37 | Củ Long | 7,7 | 16,7 | - | 4,1 | 3,8 | |
| 38 | Hậu Giang | 9,9 | 9,0 | - | 5,2 | 5,0 | |
| 39 | Kiên Giang | 9,9 | 10,1 | - | 21,2 | 2,3 | |
| 40 | Minh Hải | 10,4 | - | - | - | - | |

Qua số liệu trên đây ta thấy một cách rõ ràng rằng, phạm vi điều tra đã bị vi phạm một cách nghiêm trọng, như vậy tính đại diện của mẫu bị phá vỡ và kết quả hàng năm không thống nhất, do đó cũng rất khó cho công tác đánh giá, so sánh, phân tích số liệu.

2) Khi các cơ quan tiến hành tổ chức điều tra mẫu, dù phạm vi hoặc nội dung còn hạn chế, nhưng khi thu thập được kết quả nên tổ chức công bố và đưa vào sử dụng. Do phạm vi mẫu lựa chọn, số liệu có thể chỉ giúp

cho xem xét tình hình của một vùng, tỉnh hoặc huyện, nhưng dù sao cũng là những thông tin hữu ích phục vụ chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Trên đây là một số nhận xét và khuyến nghị qua công tác sử dụng các nguồn thông tin, số liệu dân số và các phương pháp thu thập thông tin dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Điều cần khẳng định là hiện nay chúng ta rất cần những thông tin đảm bảo chính xác, đầy đủ kịp thời về lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình - đó là chưa kể đến những nguồn thông tin liên quan cần thiết như kinh tế, xã hội, môi trường v.v... Vì vậy công tác nghiên cứu chuyên sâu, đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm cải tiến và hoàn thiện dần các phương pháp thu thập thông tin dân số là hết sức cần thiết và có nhu cầu đòi hỏi cấp bách trong lĩnh vực nghiên cứu dân số của Việt Nam.



Kiểm điểm về quá trình thực hiện và kết thúc Dự án VIE/88/P05 giữa đại diện của UNFPA, Trường Đại học Tổng hợp Australia, Viện Xã hội học và đại diện của các cơ quan hữu quan tại Viện Xã hội học ngày 17-4-1992.